TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA - TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v tranh chấp Hôn nhân & gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và ông Nguyễn Hạ Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 187/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1.***Nguyên đơn***: Chị Quách Thị L - sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã H, huyện Ư, thành phố Hà Nội

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thế T – sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã H, huyện Ư, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn và các buổi làm việc tại Tòa chị Quách Thị L là nguyên đơn trình bày: chị và anh Nguyễn Thế T qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H năm 2009. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể tìm thấy tiếng nói chung; cái tôi của mỗi người quá lớn nên không thể hòa hợp được với nhau. Bản thân anh T chơi bời, không tu chí làm ăn, nợ nần; chị và gia đình hai bên khuyên

bảo nhiều nhưng không được. Vì vậy, chung sống với nhàu đến năm 2011 thì chị về quê ngoại sinh sống cho đến nay. Trong thời gian chị sống ly thân, chị vẫn đi lại công to việc lơn bên gia đình nhà chồng, cũng mong muốn anh T thay đổi để vợ chồng đoàn tụ; để mẹ anh đỡ vất vả nhưng không được. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị đề nghị Toà giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: có 01 con là Nguyễn Thế T1 – sinh ngày 12/3/2010; từ khi ly thân cháu ở ổn định với anh T và bà nội, cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố nên chị tôn trọng ý kiến của cháu; chị đề nghị Toà giải quyết để anh T nuôi con, chị không đề nghị giải quyết tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung: chị không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thế T: không có quan điểm, ý kiến gì.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm ý kiến, bị đơn vắng mặt; các đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác và không ai có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử cho chị Quách Thị L được ly hôn anh Nguyễn Thế T. Về con chung có 01 con là Nguyễn Thế T1 – sinh ngày 12/3/2010; giao anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Chị L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, H đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thực hiện tố tụng của Tòa án:

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Chị Quách Thị L có đơn xin đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thế T. Do vậy, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Nguyễn Thế T có đăng ký nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Ứ, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Hội đồng xét xử đã mở phiên toà ngày 11/9/2024 nhưng vắng mặt của anh T nên Hội đồng xét xử hoãn phiên toà, tại phiên toà hôm nay mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai anh Thanh vắng M không có lý do chính đáng nên căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[1.2] Về chứng cứ: Toà đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp đối với đương sự vắng mặt. Các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do các đương sự cung cấp, Toà thu thập; không có ý kiến nào phản đối về chứng cứ; các đương sự không nộp tài liệu chứng cứ nào khác. Do vậy, những tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án sử dụng làm căn cứ giải quyết, đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, Điều 93 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị L và anh Nguyễn Thế T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã H, huyện Ứ, TP . ngày 06/01/2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của hai anh chị thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung; vợ chồng ly thân nhiều năm. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: cuộc sống chung giữa vợ chồng chị L và anh T mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh T không tu chí làm ăn, chơi bời. Nay chị L có đơn ly hôn, chính quyền địa phương có ý kiến: đề nghị Tòa căn cứ vào thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Xét thấy: cuộc sống hôn nhân của chị L và anh T mâu thuẫn đến mức trầm trọng, sống ly thân từ năm 2011 đến này, không quan tâm đến nhau. Xét thấy, mục đích hôn nhân của hai anh chị không đạt nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Quách Thị L và anh Nguyễn Thế T đều xác nhận có 01 con là Nguyễn Thế T1 – sinh ngày 12/3/2010. Chị L có quan điểm đề nghị Tòa để anh T tiếp tục nuôi cháu T1; anh T không có quan điểm, ý kiến.

Xét về điều kiện chăm sóc, môi trường sinh hoạt và tuổi của cháu T1 thì Hội đồng xét xử thấy: chị L và anh T đều chưa có nhà riêng; hai anh chị đều làm công nhân nên về chỗ ở, điều kiện kinh tế ngang nhau. Xong cháu T1 là con trai, cháu

ở ổn định với anh T nhiều năm nay; đồng thời cháu cũng có quan điểm được tiếp tục ở với bố và bà nội. Địa phương cũng có quan điểm: đề nghị Toà căn cứ thực tế và quy định pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi, sự phát triển tâm sinh lý của trẻ nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cho cháu T1 được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt nhất là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị L không đề nghị Toà giải quyết tiền cấp dưỡng, anh T không có ý kiến gì nên tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị L cho đến khi có thay đổi khác; chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Quách Thị L và anh Nguyễn Thế T không đề nghị Toà giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Quách Thị L phải nộp án phí ly hôn. Các đương sự đều được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị L được ly hôn anh Nguyễn Thế T.

2. Về con chung: Chị Quách Thị L và anh Nguyễn Thế T đều xác nhận có 01 con là Nguyễn Thế T1 – sinh ngày 12/3/2010. Khi ly hôn, giao anh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T1; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị L cho đến khi có đề nghị thay đổi khác. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: chị Quách Thị L và anh Nguyễn Thế T đều không đề nghị Toà giải quyết.

4. Về án phí: Chị Quách Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0011808 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, TP ..

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thiện